

Họ và tên học sinh:Số báo danh:Lớp:

Câu 1. Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng về kích thước của quần thể sinh vật?

- I. Kích thước quần thể là không gian cần thiết để quần thể tồn tại và phát triển.
- II. Kích thước tối đa là giới hạn lớn nhất về số lượng mà quần thể có thể đạt được, phù hợp với khả năng cung cấp nguồn sống của môi trường.
- III. Nếu kích thước quần thể xuống dưới mức tối thiểu, quần thể dễ rơi vào trạng thái suy giảm dẫn tới diệt vong.
- IV. Kích thước quần thể luôn ổn định và giống nhau ở tất cả các quần thể cùng loài.

A. 2 B. 1 C. 3 D. 4

Câu 2. Một quần thể động vật, ban đầu có 20000 cá thể. Quần thể này có tỷ lệ sinh là 10%/năm, tỷ lệ tử vong là 7%/năm, tỷ lệ xuất cư là 1%/năm, tỷ lệ nhập cư là 2%/năm. Theo lý thuyết, sau 2 năm, quần thể sẽ có bao nhiêu cá thể?

A. 21632 B. 20800. C. 20200. D. 21800.

Câu 3. Một loài xương rồng sống trên sa mạc có giá trị giới hạn dưới và giới hạn trên về nhiệt độ lần lượt là 22°C và 42°C. Giá trị nhiệt độ từ 22°C đến 42°C được gọi là:

- A. điểm gây chết.
- B. khoảng thuận lợi.
- C. giới hạn sinh thái.
- D. Khoảng chống chịu.

Câu 4. Một “không gian sinh thái” mà ở đó tất cả các nhân tố sinh thái của môi trường nằm trong giới hạn sinh thái cho phép loài đó tồn tại và phát triển được gọi là:

- A. nơi ở.
- B. ổ sinh thái.
- C. giới hạn sinh thái.
- D. sinh cảnh.

Câu 5. Hình thức phân bố cá thể theo nhóm trong quần thể có ý nghĩa sinh thái gì?

- A. Các cá thể hỗ trợ nhau chống lại điều kiện bất lợi của môi trường
- B. Giảm mức độ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể
- C. Tăng khả năng sinh sản của các cá thể trong quần thể
- D. Các cá thể tận dụng được nguồn sống từ môi trường

Câu 6. Trong cấu trúc tuổi của quần thể sinh vật, tuổi quần thể là:

- A. thời gian sống của 1 cá thể có tuổi thọ cao nhất trong quần thể.
- B. thời gian tồn tại thực của quần thể trong tự nhiên.
- C. thời gian để quần thể tăng trưởng và phát triển.
- D. tuổi thọ trung bình của các cá thể trong quần thể.

Câu 7. Trong các phát biểu sau, có bao nhiêu phát biểu đúng về mối quan hệ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể sinh vật?

- I. Khi quan hệ cạnh tranh gay gắt thì các cá thể cạnh tranh yếu có thể bị đào thải khỏi quần thể.
- II. Quan hệ cạnh tranh chỉ xảy ra khi mật độ cá thể của quần thể tăng lên quá cao, nguồn sống của môi trường không đủ cung cấp cho mọi cá thể trong quần thể.
- III. Quan hệ cạnh tranh đảm bảo số lượng cá thể của quần thể ở mức độ phù hợp giúp quần thể tồn tại và phát triển,
- IV. Quan hệ cạnh tranh làm tăng nhanh kích thước của quần thể.

A. 2 B. 4 C. 1 D. 3

Câu 8. Phân bố đồng đều giữa các cá thể trong quần thể thường gặp khi?

A. điều kiện sống phân bố không đều và không có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.

B. điều kiện sống trong môi trường phân bố đồng đều và không có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.

C. điều kiện sống phân bố một cách đồng đều và có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.

D. các cá thể của quần thể sống thành bầy đàn ở những nơi có nguồn sống dồi dào nhất.

Câu 9. Quần thể sinh vật tăng trưởng theo tiềm năng sinh học trong điều kiện nào sau đây?

A. Nguồn sống trong môi trường không hoàn toàn thuận lợi, gây nên sự xuất cư theo mùa.

B. Nguồn sống trong môi trường rất dồi dào, hoàn toàn thỏa mãn nhu cầu của các cá thể.

C. Nguồn sống trong môi trường không thuận lợi, hạn chế về khả năng sinh sản của loài.

D. Không gian cư trú của quần thể bị giới hạn, gây nên sự biến động số lượng cá thể.

Câu 10. Hiện tượng nào sau đây là biểu hiện của mối quan hệ hỗ trợ cùng loài?

A. Cá mập con khi mới nở, sử dụng trứng chưa nở làm thức ăn.

B. Động vật cùng loài ăn thịt lẫn nhau.

C. Tia thưa tự nhiên ở thực vật

D. Các cây thông mọc gần nhau, có rễ nối liền nhau.

Câu 11. Đặc trưng quan trọng ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến hiệu quả sinh sản của quần thể là:

A. mật độ.

B. cấu trúc tuổi.

C. sự phân bố cá thể.

D. tỉ lệ giới tính.

Câu 12. Ý nào không được phản ánh trong tháp tuổi người?

A. Tỉ lệ các nhóm tuổi

B. Kích thước quần thể.

C. Trạng thái quần thể.

D. Tỉ lệ lao động.

Câu 13. Mật độ cá thể của quần thể được xem là đặc trưng cơ bản nhất của quần thể vì mật độ:

A. ảnh hưởng tới mức độ sử dụng nguồn sống trong môi trường, tới khả năng sinh sản và tử vong của cá thể trong quần thể.

B. thể hiện chiều hướng phát triển của quần xã tương ứng với sự biến đổi của điều kiện môi trường.

C. phản ánh khả năng cạnh tranh của quần thể sinh vật này với quần thể thuộc loài khác trong cùng một môi trường sống.

D. là một chỉ tiêu quan trọng đánh giá mức độ thích nghi của cá thể sinh vật cũng như quần thể với môi trường.

Câu 14. Tập hợp sinh vật nào sau đây gọi là quần thể?

A. Tập hợp cá sống trong Hồ Tây.

B. Tập hợp các con ong thợ lấy mật ở vườn hoa

C. Tập hợp cây thân leo trong rừng mưa nhiệt đới.

D. Tập hợp cá Cóc sống trong Vườn Quốc Gia Tam Đảo.

Câu 15. Nguyên nhân dẫn tới sự phân ly ổ sinh thái của các loài trong quần xã là:

A. Mức độ cạnh tranh khác loài.

B. Mỗi loài ăn một loại thức ăn khác nhau.

C. Phân chia thời gian kiếm ăn khác nhau trong ngày

D. Mỗi loài cư trú ở một vị trí khác nhau trong không gian

Câu 16. Trong các hệ sinh thái trên cạn, loài ưu thế thường thuộc về

A. giới nhân sơ (vi khuẩn)

B. giới thực vật

C. giới nấm

D. giới động vật

Câu 17. Sự hình thành ao cá tự nhiên từ một hồ bom được gọi là:

A. diễn thế phân huỷ

B. diễn thế nhân tạo

C. diễn thế thứ sinh

D. diễn thế nguyên sinh

Câu 18. Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về diễn thế sinh thái?

- A. Diễn thế thứ sinh xảy ra ở môi trường mà trước đó chưa có một quần xã sinh vật nào.
- B. Trong diễn thế sinh thái, các quần xã sinh vật biến đổi tuần tự thay thế lẫn nhau.
- C. Diễn thế nguyên sinh xảy ra ở môi trường đã có một quần xã sinh vật nhất định.
- D. Trong diễn thế sinh thái, sự biến đổi của quần xã diễn ra độc lập với sự biến đổi điều kiện ngoại cảnh.

Câu 19. Hiện tượng cá sấu há to miệng cho một loài chim “xỉa răng” hộ là biểu hiện quan hệ:

- A. hội sinh B. cộng sinh C. kí sinh D. hợp tác

Câu 20. Việc nghiên cứu diễn thế sinh thái đối với ngành nông nghiệp có ý nghĩa như thế nào?

- A. Xây dựng kế hoạch dài hạn cho nông, lâm, ngư nghiệp.
- B. Biết được quần xã trước và quần xã sẽ thay thế nó.
- C. Phán đoán được quần xã tiên phong và quần xã cuối cùng.
- D. Nắm được quy luật phát triển của quần xã.

Câu 21. Trên đồng cỏ, các con bò đang ăn cỏ. Bò tiêu hóa được cỏ nhờ các vi sinh vật sống trong dạ cỏ. Các con chim sáo đang tìm ăn các con rận sống trên da bò. Khi nói về mối quan hệ giữa các sinh vật trên, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Quan hệ giữa rận và bò là quan hệ sinh vật này ăn sinh vật khác.
- B. Quan hệ giữa vi sinh vật và rận là quan hệ cạnh tranh.
- C. Quan hệ giữa bò và sinh vật trong dạ cỏ là quan hệ cộng sinh.
- D. Quan hệ giữa chim sáo và rận là quan hệ hội sinh.

Câu 22. Các cây tràm ở rừng U Minh là loài

- A. đặc biệt B. có số lượng nhiều C. đặc trưng D. ưu thế

Câu 23. Điều nào sau đây không phải là nguyên nhân dẫn đến diễn thế sinh thái ?

- A. Do chính hoạt động khai thác tài nguyên của con người
- B. Do cạnh tranh và hợp tác giữa các loài trong quần xã
- C. Do thay đổi của điều kiện tự nhiên, khí hậu
- D. Do cạnh tranh gay gắt giữa các loài trong quần xã

Câu 24. Nguyên nhân dẫn tới sự phân tầng trong quần xã

- A. Do sự phân bố các nhân tố sinh thái không giống nhau, đồng thời mỗi loài thích nghi với các điều kiện sống khác nhau
- B. Để tiết kiệm diện tích, do các loài có nhu cầu nhiệt độ khác nhau và tầng không gian phân bố của các cá thể sinh vật.

C. Để tăng khả năng sử dụng nguồn sống, do các loài có nhu cầu ánh sáng khác nhau.

- D. Để giảm sự cạnh tranh nguồn sống, tiết kiệm diện tích và tạo ra sự giao thoa ổ sinh thái giữa các quần thể sinh vật.

Câu 25. Khi nói về quan hệ giữa kích thước quần thể (về số lượng) và kích thước cơ thể, phát biểu nào sau đây *sai*?

- A. Kích thước cơ thể và kích thước quần thể của loài phù hợp với nguồn sống.
- B. Loài có kích thước cơ thể lớn thường có kích thước quần thể nhỏ.
- C. Kích thước cơ thể của loài tỉ lệ thuận với kích thước của quần thể.
- D. Loài có kích thước cơ thể nhỏ thường có kích thước quần thể lớn.

Câu 26. Khi nói về mối quan hệ giữa các loài trong quần xã sinh vật, xét các kết luận sau đây

- (1) Mối quan hệ vật ăn thịt – con mồi là động lực thúc đẩy quần thể con mồi tiến hóa nhưng không thúc đẩy sự tiến hóa của quần thể vật ăn thịt.
- (2) Những loài sử dụng nguồn thức ăn giống nhau và cùng chung sống trong một sinh cảnh sẽ xảy ra sự cạnh tranh khác loài.
- (3) Ở mối quan hệ vật kí sinh – vật chủ, vật kí sinh thường chỉ làm suy yếu vật chủ chứ không tiêu diệt vật chủ.

(4) Quan hệ cạnh tranh khác loài là một trong những động lực thúc đẩy quá trình tiến hóa. Có bao nhiêu kết luận đúng?

A. 2.

B. 3.

C. 4.

D. 1.

Câu 27. Để diệt sâu đục thân lúa, người ta thả ong mắt đỏ vào ruộng lúa. Đó là phương pháp đấu tranh sinh học dựa vào:

A. cân bằng quần thể

B. cạnh tranh cùng loài

C. khống chế sinh học

D. cân bằng sinh học

Câu 28. Chọn ý *sai* khi nói về nguyên nhân trực tiếp gây ra sự biến động số lượng cá thể của quần thể?

A. Mức sinh sản

B. Mức tử vong

C. Mức nhập cư

D. Mức cạnh tranh

Câu 29. Trong các phát biểu sau về quần xã, có bao nhiêu phát biểu đúng?

(1) Quần xã là tập hợp gồm nhiều cá thể khác loài, cùng sống trong một sinh cảnh.

(2) Môi trường càng thuận lợi thì độ đa dạng của quần xã càng cao.

(3) Loài ưu thế là loài chỉ có ở một quần xã nhất định nào đó.

(4) Sự phân tầng giúp sinh vật tận dụng tốt nguồn sống và giảm sự cạnh tranh giữa các loài.

A. 1

B. 2

C. 4

D. 3

Câu 30. Dạng biến động số lượng cá thể nào sau đây thuộc dạng không theo chu kỳ?

A. Số lượng tảo trên mặt nước Hồ Gươm tăng cao vào ban ngày, giảm vào ban đêm.

B. Trung bình khoảng 7 năm cá cơm ở vùng biển Peru chết hàng loạt.

C. Nhiệt độ tăng đột ngột làm sâu bọ trên đồng cỏ chết hàng loạt.

D. Muỗi xuất hiện nhiều vào mùa mưa, giảm vào mùa khô.

----- **HẾT** -----